

# Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Indonesia và một số hàm ý cho Việt Nam

TH.S. VÔ THỊ MINH LỆ<sup>\*</sup>

TH.S. CHU VĂN CƯỜNG<sup>\*\*</sup>

*Bên cạnh các tác động tích cực, quá trình thu hút các doanh nghiệp nước ngoài vào các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) ở các quốc gia châu Á, trong đó có Indonesia, còn phải gánh chịu những tác động tiêu cực từ hoạt động của chúng đến sự phát triển kinh tế, xã hội quốc gia cũng như địa phương sở tại và vùng lân cận. Nghiên cứu dưới đây sẽ đề cập đến tác động từ hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài trong các KCN, KCX tại Indonesia đến sự phát triển kinh tế - xã hội của chính các vùng có KCN, KCX.*

## 1. Tác động tích cực của KCN, KCX đến vùng

### 1.1. Góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa vùng

Sự phát triển nhanh chóng các KCN, KCX tại một số vùng trung tâm đã kéo theo một lực lượng đông đảo lao động từ các vùng lân cận, các vùng ngoại vi đến tìm kiếm các cơ hội việc làm và kết quả tất yếu của nó là làm gia tăng hàng loạt nhu cầu của người lao động như nhà ở, đường giao thông, các dịch vụ cần thiết khác.

Vùng thủ đô Jakarta và Bandung là những vùng có số KCN, KCX nhiều nhất ở Indonesia. Các KCN, KCX này tập trung chủ yếu tại Bekasi với KCN thành phố Lippo, KCN Cikarang, KCN Đông Jakarta, KCN quốc tế Bekasi và KCN MM 2100 và tại Karawang với các KCN quốc tế Karawang, KCN Kujang

Cikampek, KCN Mandalapratama Permai, KCN thành phố Suryacipta và KCN Taman Niaga Karawang Prima... Quá trình phát triển nhanh chóng các KCN, KCX tại các quận, huyện trong vùng đã kéo theo các dự án nhà ở, các tòa nhà văn phòng cho thuê, các khách sạn, các khu vui chơi giải trí, các con đường cao tốc, đường cáp tivi, mạng lưới điện thoại, hệ thống cung cấp điện, nước, bệnh viện, trường học... để phục vụ đông đảo lao động trong vùng. Tính riêng vùng thủ đô Jakarta, năm 2006 đã có đến 30 trung tâm mua sắm mới được xây dựng và đến năm 2008 có thêm một số trung tâm mua sắm lớn như Trung tâm mua sắm Gajah Mada Square, Pacific Place và Citi-Walk Sudirman<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, một số vùng đã có các dự án xây dựng đường cao tốc, đường sắt để phục vụ số lao động từ các vùng khác đến cũng như để giảm ách tắc giao thông trong vùng. Việc xây

<sup>\*</sup> Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

<sup>\*\*</sup> Sở Khoa học và Công nghệ Kiên Giang

<sup>1</sup> Firman, Tommy (2009).

dựng các con đường cao tốc, đường sắt đã giúp cho người lao động đi lại dễ dàng hơn, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng, bởi vì lúc đó việc đi lại đã trở nên không còn là trở ngại chính đối với họ. Người lao động sẽ đi lại dễ dàng hơn giữa các vùng vào những ngày cuối tuần để mua sắm và vui chơi. Và thông qua các khoản chi tiêu của người dân vào các dịch vụ mua sắm mà vùng đã thu được một khoản thu nhập đáng kể.

Thực tế trên đã làm cho diện mạo của các vùng có KCN, KCX đã thay đổi hơn so với trước. Các vùng đã trở nên hiện đại hóa hơn với các tòa nhà cao tầng, các trung tâm mua sắm lớn, khách sạn, nhà hàng, các con đường cao tốc với các khu vui chơi giải trí và song song với nó là nhịp độ sống trong vùng cũng trở nên hối hả và tấp nập hơn do mật độ dân số trong vùng gia tăng.

### **1.2. Góp phần tích cực thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước**

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và trong nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của vùng. Ngoài việc tạo việc làm cho lao động, các doanh nghiệp đầu tư cũng mang lại nhiều lợi ích khác. Hiểu được các lợi ích trên, nên Chính phủ Indonesia đã đưa ra các ưu đãi đầu tư để thu hút các doanh nghiệp nước ngoài và trong nước đầu tư vào các vùng có KCN, KCX, như miễn và giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu thô, các sản phẩm trung gian, thuế thu nhập doanh nghiệp và các thủ tục hành chính cũng trở nên dễ dàng hơn nhằm giảm chi phí về thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, vào giữa năm 1990, tại vùng thủ đô Jakarta đã thu hút đến 50% tổng số vốn đầu tư vào Indonesia với các lĩnh vực đầu tư chủ yếu là các ngành công nghiệp chế biến, thương mại, tài chính, bất động sản và các dịch vụ khác<sup>2</sup>. Trong giai đoạn 2000 - 2004, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép ở Indonesia là 64,803.5 tỷ USD, trong đó 58% số

vốn (37,112.8 tỷ USD) đặt tại vùng thủ đô Jakarta. Và cũng trong thời gian trên, tổng số vốn đầu tư trong nước ở Indonesia là 256,176.1 tỷ Rp, trong đó gần 1/3 số vốn được đầu tư vào vùng thủ đô Jakarta (82,342 tỷ USD)<sup>3</sup>.

Việc thu hút vốn đầu tư vào các vùng này đã góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế của vùng thông qua hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, các khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho vùng cũng như các khoản chi trả tiền lương và mua các nguyên vật liệu...

### **1.3. Góp phần nâng cao thu nhập**

Ngoài những lợi ích trên, KCN, KCX còn góp phần nâng cao thu nhập cho vùng thông qua kênh mua các nguyên vật liệu từ địa phương. Thông thường nguồn nguyên liệu thô của địa phương chỉ chiếm khoảng 1/3 trong tổng số nguyên vật liệu mà các KCN, KCX thu mua. Tuy nhiên, đối với các KCN, KCX của Indonesia thì hoàn toàn ngược lại, các doanh nghiệp trong KCN, KCX mua nguyên liệu thô của địa phương với khối lượng lớn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp chuyên về sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt may. Tính riêng năm 1982, các nguyên liệu thô tại địa phương đã chiếm trên 40% tổng các nguyên liệu thô mà các doanh nghiệp trong KCN, KCX của Indonesia đã sử dụng<sup>4,5</sup>. Việc thu mua nguyên liệu thô của địa phương đã giúp cho người dân cũng như các doanh nghiệp trong vùng có thêm việc làm, từ đó nâng cao thu nhập của người dân.

### **1.4. Tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương và cả lao động nhập cư**

Ở góc độ việc làm trực tiếp, lao động địa phương có thể tham gia các công việc ngay từ khi bắt đầu hình thành các nhà máy như tham gia đàm nhận các công việc xây dựng, trồng cây xanh trong KCN, KCX... còn sau khi doanh nghiệp đi vào hoạt động thì chính các lao động địa phương lại được nhận vào làm trong các

<sup>3</sup> Firman, Tommy (2009).

<sup>4</sup> Warr, Peter G (1989).

<sup>5</sup> Jayanthakumaran, Kankesu (2003).

<sup>2</sup> Firman, Tommy (1997).

doanh nghiệp ở các vị trí khác nhau tùy theo chuyên môn và trình độ học vấn.

Ví dụ, trong giai đoạn xây dựng nhà máy Ammonium Nitrate PT. KNI trong KCN PT Kaltim thuộc thành phố Bontang, tỉnh phía Đông Kalimantan của Indonesia, trong giai đoạn xây dựng, doanh nghiệp đã phải tuyển dụng đến 400 lao động và trong quá trình tuyển dụng số lao động địa phương được ưu tiên hơn cả tùy thuộc vào chuyên môn và khả năng của họ, còn đối với các vị trí quan trọng hơn nhà quản lý thường tuyển chọn lao động từ bên ngoài<sup>6</sup>.

Ở góc độ việc làm gián tiếp, một số lao động địa phương còn tham gia cung cấp các loại dịch vụ cho lao động làm việc trong KCN, KCX, như dịch vụ ăn uống, sửa chữa lốp xe, bán thẻ điện thoại di động, trong khi một số lao động khác làm các công việc như lái xe, cung cấp dịch vụ dân sự, cho người lao động nhập cư thuê nhà ở...<sup>7</sup>

Đối với lao động di cư từ nơi khác đến, số lao động này cũng nhận được nhiều cơ hội việc làm trong các doanh nghiệp. Ví dụ, ở vùng phía Bắc của Tây Java, nơi đây đã trở thành điểm đến cho cả lao động di cư lâu dài và tạm thời có nguồn gốc từ nhiều nơi của Indonesia, đặc biệt từ Java và Lampung vùng phía Nam Sumatra. Riêng ở Bekasi, có khoảng 2/3 số công nhân trong KCN là những người di cư từ Trung và Đông Java đến<sup>8</sup>.

Việc lao động di cư từ nơi khác đến làm việc trong các KCN đã mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho cộng đồng địa phương thông qua việc người lao động sử dụng các dịch vụ của cộng đồng địa phương. Còn đối với người lao động địa phương, việc người lao động có việc làm trực tiếp cũng như gián tiếp tại KCN, KCX dần dần đã thúc đẩy người dân chuyển dần từ hoạt động sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ - là những hoạt động mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân địa phương.

### 1.5. Duy trì và phát triển các giá trị văn hóa xã hội vùng

Ở Indonesia, văn hóa vùng là sự kết hợp của sự pha trộn các tôn giáo và nhóm dân tộc khác nhau, bởi vì ở mỗi vùng đều có người di cư từ nơi khác đến. Tuy nhiên, mỗi nhóm dân tộc và tôn giáo vẫn kiểm soát hành vi của chính bản thân họ tại các nơi ở mới song mức độ tham gia các hoạt động thì không bằng nơi sinh ra của họ.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của nhóm người di cư tới các KCN, KCX đã góp phần đẩy những người di cư và những người dân trong vùng xích lại gần nhau hơn thông qua việc tham gia các sự kiện văn hóa, các hoạt động tập thể và hợp tác chung. Sự hợp tác này thường biểu hiện dưới hình thức như quét dọn và bảo dưỡng nhà thờ, vệ sinh môi trường dân cư, chúc mừng các sự kiện văn hóa và chúc mừng các ngày lễ lớn. Ví dụ, một số hoạt động chung mà người dân làng Loktuan và Guntung vùng Bontang hoạt động cùng nhau đó là hoạt động làm sạch môi trường vào ngày chủ nhật. Ngoài ra, việc làm sạch môi trường cũng được tiến hành vào thời điểm gần ngày lễ độc lập, do một số làng có cuộc thi cạnh tranh "làm sạch môi trường" và chính sự kiện này đã khiến người dân trong vùng giữ gìn và làm sạch môi trường hơn. Ngoài hoạt động trên, người dân trong hai làng cũng tham gia các hoạt động khác như xây dựng và bảo dưỡng các công trình xây dựng của địa phương bởi vì theo họ việc xây dựng và bảo dưỡng các công trình của làng vô cùng quan trọng ví dụ như đường giao thông. Việc xây dựng và bảo dưỡng sẽ giúp cho việc đi lại chung của hai làng trở nên dễ dàng hơn, bởi vì người dân của hai làng sở hữu một lượng xe mô tô khá cao. Còn đối với những người theo đạo Tin lành, họ cũng tham gia các hoạt động chung như đi lễ và đọc kinh thánh hàng tuần...<sup>9</sup>

Ngoài ra, việc hình thành các KCN, KCX trong vùng cũng đóng vai trò tích cực trong việc thực hiện các trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp nước ngoài đối với vùng, bởi vì ban

<sup>6</sup> Pandoyo, Antung (2007).

<sup>7</sup> Adningsih, Sri và các tác giả khác (2009).

<sup>8</sup> Adningsih, Sri và các tác giả khác (2009).

<sup>9</sup> Pandoyo, Antung (2007).

quản lý các KCN, KCX cũng thường xuyên kêu gọi các doanh nghiệp trong KCN, KCX đóng góp vào sự phát triển các khu vực xung quanh, ví dụ như xây nhà thờ Hồi giáo, đóng góp xây dựng trường lớp, và các cơ sở dịch vụ công cộng khác...<sup>10</sup>. Thông qua việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đối với vùng phần nào giúp các doanh nghiệp và các cá nhân, quan chức của vùng ngày càng có mối quan hệ khăng khít hơn.

## 2. Tác động tiêu cực của các KCN, KCX đến vùng

### 2.1. Không mang lại nhiều lợi ích cho lao động địa phương

Mặc dù thông thường lao động tại các vùng có KCN, KCX được ưu tiên hơn cả trong quá trình tuyển chọn lao động của các doanh nghiệp, song tại một số vùng do bản thân người lao động không đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng như về trình độ học vấn, kỹ năng tay nghề và độ tin cậy... nên các nhà tuyển dụng buộc phải tuyển lao động từ vùng khác đến, làm giảm lợi ích cho chính lao động tại địa phương.

Các doanh nghiệp trong KCN, KCX tại huyện Karawang, Tây Java, thường thuê lao động ngoại tỉnh nhiều hơn với lý do là lực lượng lao động thanh niên ở đây chưa được đào tạo đầy đủ và bài bản để làm việc trong các nhà máy, đặc biệt là các nhà máy của Nhật Bản nơi mà hoạt động sản xuất của doanh nghiệp chuyên vào lĩnh vực lắp ráp ô tô và xe máy. Hầu hết các doanh nghiệp trong 2 ngành này đều tuyển các lao động có trình độ cao hơn so với các ngành nghề khác như dệt may<sup>11</sup>.

Do không có trình độ về học vấn cũng như kỹ năng nghề nghiệp nên nhiều lao động địa phương vào làm trong các KCN, KCX chỉ đảm nhận các công việc giản đơn, do đó, họ chỉ nhận được mức lương khá khiêm tốn với khoảng 300 USD/năm/1 lao động, trong khi đó họ phải chi từ 11 - 20% mức lương của họ cho việc đi lại<sup>12</sup>.

Từ thực trạng trên cho thấy, lao động tại các vùng có KCN, KCX của Indonesia không được hưởng lợi nhiều từ chính sách phát triển công nghiệp của vùng bởi vì với mức lương chi trả cho lao động thấp, người lao động không có khoản tích lũy cho bản thân. Thêm vào đó, do tính chất của các công việc giản đơn dễ gây nhàm chán cho các lao động, cho nên nguy cơ bỏ việc của số lao động trên cũng rất cao.

### 2.2. Các doanh nghiệp địa phương không được hưởng nhiều lợi ích từ việc chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp nước ngoài

Mục tiêu ban đầu của Chính phủ Indonesia là thu hút các doanh nghiệp chuyên về sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao hơn là các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm có hàm lượng lao động cao. Mục đích của việc thu hút này là nhằm: i) giúp cho nguồn lao động của địa phương có thể nâng cao kỹ năng cũng như để tạo ra các liên kết cuối gắn với nền kinh tế của nước chủ nhà; ii) hợp tác về mặt kỹ thuật với các doanh nghiệp trong KCN, KCX giúp các doanh nghiệp địa phương được hưởng lợi ích bởi vì các doanh nghiệp sẽ cung cấp các thiết bị và linh kiện hiện đại; và iii) lao động địa phương có thể tham gia các lớp đào tạo do các doanh nghiệp trong KCN, KCX tổ chức...

Tuy nhiên, trên thực tế, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào các KCN, KCX ở Indonesia phần lớn đều chuyên về sản xuất các sản phẩm cần nhiều lao động và không đòi hỏi cao về mặt kỹ thuật, ví dụ như các ngành công nghiệp dệt may và điện tử. Đây là những ngành chiếm tỷ lệ đầu tư cao. Do vậy, ở KCN thí điểm của Indonesia cũng như ở KCX Jakarta, có đến 95% tổng vốn đầu tư là vào các ngành công nghiệp này<sup>13, 14</sup>. Hơn nữa, công nghệ được sử dụng trong các ngành công nghiệp này không thay đổi trong nhiều năm, bởi vậy mà không có sự chuyển giao công nghệ mới. Do đó, lao động trong vùng hầu như không học hỏi được nhiều về các bí quyết kỹ thuật.

<sup>10</sup> Tagayasu, Naito (2009).

<sup>11</sup> Tagayasu, Naito (2009).

<sup>12</sup> Rondinelli, Dennis A (1987).

<sup>13</sup> Wong và Chu (1984).

<sup>14</sup> Warr, Peter G. (1983).

Còn đối với các doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động nghiên cứu và phát triển thì lao động địa phương rất khó khăn để học hỏi kiến thức hoặc các bí quyết, bởi vì kiến thức hoặc bí quyết đó chỉ bó hẹp trong quy trình sản xuất sản phẩm. Lao động địa phương chỉ có thể vận hành quá trình sản xuất đó nhưng họ không hiểu được các nguyên lý cơ bản như thế nào<sup>15</sup>.

### 2.3. Gây ách tắc giao thông trong vùng

Việc có quá nhiều KCN trong vùng trong khi cơ sở hạ tầng không tương xứng cũng đặt áp lực lên vấn đề giao thông. Hiện tượng tắc nghẽn giao thông xảy ra là do số lao động từ các nơi khác đến các vùng có KCN tìm kiếm các cơ hội việc làm theo kiểu sáng đi tối về khá đông và số lượng các xe container vào – ra các KCN, KCX... đã khiến cho các con đường dẫn vào các vùng có KCN, KCX lúc nào cũng rơi vào tình trạng ùn tắc. Ví dụ điển hình là tại KCN phía Đông Jakarta, đây được xem là KCN lớn nhất Indonesia với diện tích hơn 4.000 hecta với khoảng 2.000 nhà máy và là nơi làm việc của 4 triệu lao động. KCN này đã đóng góp 17% vào tổng kim ngạch xuất khẩu của Indonesia (khoảng 11 tỷ USD năm 2006)<sup>16</sup>. Tuy nhiên, sự tăng trưởng quá nhanh của KCN trong khi cơ sở hạ tầng lại phát triển không tương xứng đã gây ra nhiều vấn đề đối với chính quyền địa phương và đối với người dân trong vùng, đặc biệt là vấn đề tắc nghẽn giao thông bên trong KCN, trong thành phố Jakarta và cả các vùng xung quanh Jabodetabek. Thực tế này đã trở thành mối quan tâm của các nhà đầu tư trong KCN, bởi vì chính nó đã góp phần làm giảm tính cạnh tranh của các công ty do thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài. Một số nhà đầu tư đã thực sự lo ngại rằng nếu vấn đề tắc nghẽn giao thông trong vùng có KCN trở nên trầm trọng hơn, các nhà đầu tư sẽ cân nhắc một cách nghiêm túc việc tối thiểu hóa hoặc đóng cửa các nhà máy của họ tại KCN.

<sup>15</sup> Todo, Yasuyuki (2006).

<sup>16</sup> JDI (2008).

### 2.4. Gây ô nhiễm môi trường

Mặc dù, nguồn vốn đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của vùng, song kèm theo nó là mối quan tâm của người dân đối với mức độ ô nhiễm môi trường do chính các công ty nước ngoài tạo ra. Bởi vì, trong quá trình sản xuất công nghiệp, các nhà máy đã phải xử lý một số lượng lớn các nguyên liệu thô, sử dụng các loại nhiên liệu, năng lượng khác nhau để sản xuất ra thành phẩm... và vô hình chung trong quá trình xử lý này các chất thải đã bị phát tán ra môi trường, trong khi các doanh nghiệp sản xuất lại thiếu các thiết bị kiểm soát sự phát tán, cũng như thiếu các thiết bị xử lý chất thải... Chính sự thiếu sót của các doanh nghiệp mà các chất gây ô nhiễm đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân.

Ở Indonesia, ngành công nghiệp hóa chất là ngành công nghiệp tác động đến môi trường sống cộng đồng dân cư rõ rệt nhất. Trong quá trình sản xuất, các doanh nghiệp hóa chất đòi hỏi phải sử dụng nhiều nước và do vậy, cũng phát tán ra ngoài môi trường một lượng nước thải lớn, tiêu biểu là các xí nghiệp sản xuất hay sử dụng các chất có cặn. Chất thải có thể được tồn tại dưới dạng hòa tan hoặc ở dạng thể rắn (chất lỏng có những hạt chất rắn nhỏ li ti lơ lửng trong đó) hoặc dưới các dạng khác, được tạo ra trực tiếp từ quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, còn có cả nước thải khi rửa các thiết bị máy móc, các dụng cụ; hay ô nhiễm dưới dạng chất thải rắn từ các thành phần kim loại, bã thạch cao; hoặc ô nhiễm khí dưới dạng bay hơi của cặn... Tất cả các dạng ô nhiễm này rất nguy hiểm và độc hại, tác động xấu đến nguồn nước, không khí cũng như chính bản thân con người sống gần với nguồn ô nhiễm này<sup>17</sup>.

Mặc dù, vấn đề ô nhiễm môi trường đã từng được cảnh báo tại các nơi có KCN, KCX và các doanh nghiệp trong KCN, KCX khi được cấp phép đầu tư cũng phải ký cam kết độ ô nhiễm ở

<sup>17</sup> Adningsih, Sri và các tác giả khác (2009).

mức độ cho phép, nhưng một số bộ phận doanh nghiệp đã không quan tâm thích đáng đến vấn đề xử lý các chất thải, chất gây ô nhiễm đối với môi trường hay không đầu tư hiệu quả vào các máy móc xử lý chất thải. Chính vì thế, những người dân địa phương sống xung quanh phải gánh chịu các hậu quả ô nhiễm môi trường trực tiếp từ các nhà máy trong KCN, KCX gây ra.

### 2.5. Nông dân mất đất sản xuất nông nghiệp

Công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh chóng khiến cho các vùng mất đi một diện tích đất nông nghiệp rộng lớn và thay thế vào đó là sự mọc lên như nấm các tòa nhà cao tầng, các khu công nghiệp, các văn phòng cho thuê, nhà ở, các khu nghỉ dưỡng (sân golf...) và các trung tâm thương mại dịch vụ để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế của vùng cũng như đáp ứng nhu cầu cho một số lượng lao động đông đảo từ các nơi chuyển đến. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất một phần do chính sách của chính phủ, một phần do trình độ học vấn

của người dân trong vùng còn hạn chế, chỉ nhìn thấy những lợi ích trước mắt mà đã đánh đổi cả tư liệu sản xuất sau này.

Năm 1995, có khoảng 25% khu công nghiệp ở Indonesia được đặt tại Jabodetabek chiếm diện tích 9.808 ha. Các doanh nghiệp sản xuất trong KCN đã tạo ra hàng nghìn việc làm và thúc đẩy sự mở rộng các khu dân cư mới. Thêm vào đó là các hoạt động thương mại và dịch vụ cũng mọc lên như nấm khi nhu cầu của những người công nhân cho mục đích sử dụng hàng ngày tăng lên.

Tuy nhiên, việc xây dựng các KCN, các khu dân cư mới trong vùng đã dẫn đến việc lấn chiếm và sử dụng đất nông nghiệp để phục vụ cho mục đích trên. Tỉnh Bekasi thuộc vùng Jabodetabek là tỉnh có tỷ lệ chuyển đổi đất sang mục đích sử dụng khác cao nhất trong số các tỉnh và các huyện trong vùng và việc chuyển đổi đất đa phần đều được sử dụng cho phát triển công nghiệp và xây dựng khu dân cư.

### Chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích sử dụng khác ở Bodetabek

Vùng	Tổng diện tích (nghìn ha)	Tổng diện tích chuyển đổi (nghìn ha)	Diện tích chuyển đổi sang (%)			
			Cư trú	Công nghiệp	Văn phòng	Khác
Bekasi	148,44	5,62	30,7	67,4	1,4	0,4
Huyện Tangerang	123,53	4,18	36,9	37,1	2,5	23,5
Thành phố Tangerang	18,38	3,28	62,1	35,8	1,9	0,2
<b>Tổng</b>	<b>290,35</b>	<b>13,08</b>	<b>40,6</b>	<b>49,8</b>	<b>1,9</b>	<b>7,7</b>

*Nguồn: Yulinawati, Hernani, 2005.*

Bảng trên cho thấy, ở hầu hết các địa phương, diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi sang mục đích sử dụng để phát triển công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, và tỷ lệ này chiếm vị trí cao nhất tại tỉnh Bekasi, chiếm đến 67,4% và theo sau là Tangerrang với 37,1%<sup>18</sup>, sau đó ưu tiên số hai là dành cho xây dựng các khu dân cư

và phần đất rất nhỏ còn lại dành cho xây dựng văn phòng và mục đích khác.

Liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, một số nhà đầu tư phát triển hạ tầng ở Indonesia đã lợi dụng mục đích trên để đầu cơ trục lợi, bằng cách mua lại đất của các hộ nông dân với giá rẻ hoặc đền bù đất đai cho người nông dân với giá cả không hợp lý để đầu tư vào xây dựng các KCN, KCX và khu dân cư. Hoạt

<sup>18</sup> Yulinawati, Hernani (2005).

động đầu cơ này đã ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích chính đáng của những người nông dân có đất đai bị chuyển đổi.

Ở vùng phía Bắc của Tây Java, những người chủ đất bán đất cho các nhà đầu tư tư nhân đều là những người lớn tuổi với độ tuổi trung bình 46 tuổi. Quy mô hộ gia đình là vào khoảng 4,08 người. Đa phần những người chủ đất này có trình độ học vấn rất hạn chế. Mặc dù, sản xuất nông nghiệp là nghề nghiệp chính của gia đình và đóng góp 70% trong tổng thu nhập của gia đình với khoảng 1.130 USD/năm, tuy nhiên, lý do bán đất của họ rất đơn giản là vì các nhà đầu tư phát triển tư nhân trả giá cao cho mảnh đất của họ với giá trung bình khoảng 1,74 USD/m<sup>2</sup> và trong chốc lát mỗi hộ gia đình có thể thu được 10.435 USD (bằng 7 lần tổng thu nhập một năm) cho mảnh đất của họ<sup>19</sup>.

Tuy nhiên, về mặt bản chất, những người nông dân bán đất đã không tính đến hậu quả lâu dài không chỉ đối với bản thân họ mà còn đối với cả vùng. Thứ nhất, việc chuyển đổi đất nông nghiệp cũng như bán đất của người nông dân sẽ dẫn đến việc giảm sản lượng lương thực của vùng, còn đối với vùng, trong dài hạn, sẽ rơi vào tình trạng khan hiếm lương thực trầm trọng. Thứ hai, không có đất sản xuất nông nghiệp sẽ khiến cho một bộ phận người dân rơi vào tình trạng thất nghiệp, dễ phát sinh các tệ nạn xã hội và một số vấn đề khác...

### 3. Một số hàm ý cho Việt Nam

Những phân tích trên đây về cho thấy, bên cạnh các lợi ích, thì các KCN, KCX cũng mang lại cho vùng nhiều vấn đề nan giải như thu hẹp đất sản xuất nông nghiệp, ách tắc giao thông, lao động trong vùng không được hưởng nhiều ưu đãi hay ô nhiễm môi trường... Các kết quả của nghiên cứu này đòi hỏi Chính phủ trung ương và chính quyền các địa phương của Việt Nam, các nhà đầu tư hạ tầng, các doanh nghiệp

trong KCN, KCX cần phải tập trung xem xét đến các vấn đề sau đây khi vận hành các KCN và KCX:

i) *Đối với đất nông nghiệp*, với những mảnh đất màu mỡ không nên dùng để phát triển các KCN, KCX. Việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang công nghiệp phải có sự thẩm định của chính quyền trung ương cũng như địa phương, không nên để cho các công ty đầu tư tư nhân tham gia vào quá trình đưa ra quyết định.

ii) *Đối với vấn đề ô nhiễm môi trường*, cần phải có một chính sách cụ thể bắt buộc các doanh nghiệp trong KCN, KCX phải đạt được chuẩn chất lượng môi trường xanh, nhằm giảm tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, cần phải giám sát các thiết bị xử lý chất thải của các doanh nghiệp trong KCN, KCX một cách nghiêm túc, đối với các doanh nghiệp vẫn sử dụng các máy móc cũ kỹ, lạc hậu không đạt chuẩn cần phải có một chế tài phạt thích đáng, nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục vi phạm, các cấp thẩm quyền cần rút lại giấy phép kinh doanh,...

iii) *Đối với việc làm của người lao động trong vùng*, chính quyền địa phương cần phải tập trung vào đào tạo nghề hay hỗ trợ người dân mất đất tham gia các lớp đào tạo kỹ năng tay nghề để có khả năng thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc của các doanh nghiệp trong KCN, KCX.

iv) *Đối với vấn đề ách tắc giao thông trong vùng*, các chính quyền địa phương cần phải đầu tư, nâng cấp cải tạo hệ thống đường giao thông cũng như bảo dưỡng thường xuyên, tránh hiện tượng ùn tắc nhằm giảm mối lo ngại của các nhà đầu tư đến vùng cũng như tạo điều kiện thuận lợi để người dân trong vùng có thể đi lại dễ dàng hơn. Giảm hiện tượng ùn tắc sẽ giúp cho các doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian và chi phí♦

<sup>19</sup> Firman, Tommy (1997).

**Tài liệu tham khảo:**

1. Adningshi, Sri & Murti, Lestari & A.lka, Rahutami & Awang, Susatya Wijaya (2009): *Sustainable Development Impact of Investment Incentives: A case study of the Chemical industry in Indonesia*. [http://www.iisd.org/tkn/pdf/sd\\_investment\\_impacts\\_indonesia.pdf](http://www.iisd.org/tkn/pdf/sd_investment_impacts_indonesia.pdf)
2. Warr, Peter G. (1983): *The Jakarta Export Processing Zone: Benefits and Costs*. Bulletin of Indonesian Economic Studies 19(3): pp. 28 - 49.
3. Warr, Peter G. (1989): *Export Processing Zones: The economics of Enclaves Manufacturing*. *The World Bank Research Observer* 4(1): pp. 65 - 88.
4. Wong, Kwan-Yiu and David K.Y. Chu: *Export Processing Zones and Special Economic Zones as Generators of Economic Development*: *Geografiska Annaler* 66(1): pp. 1 - 16.
5. Yulinawati, Hernani (2005): *Jakarta mega urban region, how livable is its environment?*. 8<sup>th</sup> International Conference of the Asian Planning Schools Association.
6. Firman, Tommy (1997): *Land Conversion and Urban Development in the Northern Region of West Java, Indonesia*. *Urban Studies* 34(7): pp. 1027 - 1046.
7. Firman, Tommy (2009): *The Continuity and Change in Mega-urbanization in Indonesia: A Survey of Jakarta-Bandung Region (JBR) Development*. *Habitat International* 33: pp.327 - 339.
8. Jayanthakumaran, K. (2003): *Benefit-Cost Appraisals of Export Processing Zones: A Survey of the Literature*. *Development Policy Review* 21(1): 51-65
9. JDI (Japan Development Institute) (2008): *East Jakarta Industrial Area (EJIA) Revival and Jakarta Bay Industrial Zone (JBIZ) Development Plan*. [http://www.ecfa.or.jp/japanese/act-pf\\_jka/H19/renkei/jdi\\_indonesia.pdf](http://www.ecfa.or.jp/japanese/act-pf_jka/H19/renkei/jdi_indonesia.pdf)
10. Pandoyo, Antung (2007): *Environmental Impact Analysis: Ammonium nitrate factory PT Kaltim Nitrate Indonesia in the Industrial Estate of PT Kaltim Industrial Estate, Bontang City, East Kalimantan Province*.
11. Rondinelli, Dennis A. (1987): *Export Processing Zones and Economic Development in Asia: A Review and Reassessment of a Means of Promoting Growth and Jobs*. *American Journal of Economics and Sociology* 46(1): pp. 89 - 105.
12. Tagayasu, Naito (2009): *Khu công nghiệp và sự biến đổi xã hội ở các vùng nông thôn của Indonexia – Kết quả điều tra tại các làng thuộc huyện Karawang, Tây Giava*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp ở các nước Đông Nam Á và Việt Nam”, Hà Nội.
13. Todo, Yasuyuki (2006): *Knowledge Spillovers from Foreign Direct Investment and the Role of Local R&D Activities: Evidence from Indonesia*. *Economic Development and Culture Change*: pp.1 - 29.